TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2023/DS-ST
Ngày: 26/12/2023
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngư.

Ông Nguyễn Tuấn Trung.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa: Ông Triệu Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST - DS, ngày 23 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ: Số 89, L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại D theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại D theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T1; ông Lê Viên Huy, Chuyên viên xử lý nợ

Bị đơn: Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1985 và bà Đàm Thị V, sinh năm 1984

Đều đăng ký HKTT: xóm Đ 10 (nay là xóm Đ), xã Y, huyện P, tỉnh T.

(Có mặt Ông T1, ông H; vắng mặt ông D, bà V)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại D theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/7/2019, Ngân hàng V và ông Hoàng Văn D, bà Đàm Thị V ký kết hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1907031502718, theo đó ông Hoàng Văn D và bà Đàm Thị V có vay của Ngân hàng V số tiền 595.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 72 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 12/7/2019 đến ngày 12/7/2025, mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ kinh doanh buôn chuyến gỗ keo và sản xuất gỗ keo. Thỏa thuận kỳ trả nợ gốc định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, số tiền phải trả mỗi kỳ là 8.264.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 8.256.000 đồng. Kỳ trả nợ lãi 01tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiền vào ngày 15/8/2019.

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm, được điều chỉnh định kỳ 03tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạnh áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi, tính trên số dư lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Ngân hàng V đã giải ngân đủ số tiền trên bằng phương thức chuyển khoản và tài khoản của anh Hoàng Văn D.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu VEAM VT750MB, BKS 20C-171.61.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh D và chị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu việc trả nợ nhưng ông D và bà V trốn tránh, không hợp tác.

Tính đến ngày 22/12/2023, ông D và bà V đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền là 125.643.632 đồng gồm tiền nợ gốc là 79.726.044 đồng, tiền nợ lãi là 75.917.588 đồng. Số tiền còn nợ là **1.055.963.492** đồng (gồm: nợ gốc 545.273.956 đồng, tiền nợ lãi: 432.745.436 đồng; phí phạt: 77.944.100 đồng)

V đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn D và bà Đàm Thị V phải trả cho V toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1907031502718 ngày 12/7/2019.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng hợp đồng cho vay đến ngày thực tế ông D và bà V thanh toán hết nợ cho V

Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án V có quyền thu giữ, tự xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của anh D, chị V để thu hồi nợ cho V, trong đó có tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu VEAM VT750MB, BKS 20C-171.61.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ ông D và bà V vẫn phải tiếp tục trả nợ cho V cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

- Bị đơn ông Hoàng Văn D và bà Đàm Thị V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông D và bà V không có mặt tại Tòa án để làm việc, Tòa án không tiến hành ghi lời khai của ông D, bà V được.

Tại biên bản xác minh ngày 22/5/2023 tại Công an xã Y xác định: ông Hoàng Văn D, sinh năm 1985 và bà Đàm Thị V, sinh năm 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Đ 10 (nay là xóm Đ) xã Y, huyện P, tỉnh T. Hiện nay ông Hoàng Văn D và bà Đàm Thị V không có mặt tại địa phương, không biết ông D bà V đi đâu, làm gì.

Tại phiên tòa, đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên có quan điểm:

*** Về tố tụng:**

+ Việc phân công Thẩm phán, Thư ký, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổ chức phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải, việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự theo quy định tại chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn là ông Hoàng Văn D bà Đàm Thị V phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền là: **1.055.963.492** đồng (gồm: nợ gốc 545.273.956 đồng, tiền nợ lãi: 432.745.436 đồng; phí phạt: 77.944.100 đồng)

+ Nếu ông Hoàng Văn D bà Đàm Thị V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mại tài sản thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu VEAM VT750MB, BKS 20C-171.61 (nếu tìm thấy) để thu hồi khoản tiền còn thiếu.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn là ông Hoàng Văn D bà Đàm Thị V phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Hoàng Văn D và bà Đàm Thị V có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Đ 10 (nay là xóm Đ), xã Y, huyện P, tỉnh T. Tại thời điểm ký kết hợp đồng với Ngân hàng, ông D và bà V cư trú tại xóm Đ 10 (nay là xóm Đ), xã Y, huyện P, tỉnh T. Mục đích vay để mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh buôn chuyến gỗ keo và sản xuất gỗ keo, tuy nhiên ông D và bà V không có giấy phép kinh doanh, do vậy xác định đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, nhưng ông D và bà V đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 177, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hoàng Văn D và bà Đàm Thị V.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng V. Đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng văn D và bà Đàm Thị V thanh toán cho Ngân hàng V, theo hợp đồng tín dụng số tín dụng số LN1907031502718 ngày 12/7/2019 gốc là **545.273.956** đồng (*Năm trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm bẩy mươi ba nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng)*; lãi quá hạn tính đến ngày 22/12/2023 là **432.745.436** đồng; phí phạt hạn là: **77.944.100** đồng. Tổng số tiền là **1.055.963.492** đồng.

[2.2]. Về quá trình ký kết hợp đồng:

Ngày 12/7/2019, bên cho vay Ngân hàng V do bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Phó Giám đốc xác nhận giao dịch làm đại D và bên vay ông Hoàng văn D và bà Đàm Thị V tiến hành ký kết hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số số LN1907031502718 với nội dung: Ngân hàng V cho ông Hoàng văn D và bà Đàm Thị V vay 595.000.000 đồng, với thời hạn vay 72 tháng; Lãi xuất vay là 9,9%/năm. Phương thức trả gốc và lãi theo kỳ.

HĐXX thấy rằng hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số số LN1907031502718 phù hợp với các quy định tại tại Điều 398; Điều 399; Điều 400; Điều 401, Điều 402 của Bộ luật dân sự năm 2015 vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.3]. Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số số LN1907031502718 ngày 12/7/2019 Ngân hàng V đã giải ngân cho bên vay là ông Hoàng Văn D và bà Đàm Thị V số tiền **595.000.000** đồng *(Năm trăm chín mươi lăm triệu đồng)*. Sau khi được giải ngân, quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ ông Hoàng văn D và bà Đàm Thị V đã không thanh toán được hết nợ gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng theo kỳ (Ông D, bà V trả gốc và lãi đến ngày 15/9/2020) là vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 2 của hợp đồngsố LN1907031502718 ngày 12/7/2019. Mặc dù chưa đến hạn 72 tháng nhưng ông D, bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Do đó, Ngân hàng V khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng văn D và bà Đàm Thị V thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số số LN1907031502718 ngày 12/7/2019 **1.055.963.492** đồng (gồm: nợ gốc 545.273.956 đồng, tiền nợ lãi: 432.745.436 đồng; phí phạt: 77.944.100 đồng) là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được chấp nhận.

[2.4]: Xét yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng V về việc tiến hành kê biên phát mại tài sản đảm bảo trong trường hợp ông Hoàng Văn D và bà Đàm Thị V không thanh toán được cho Ngân hàng số tiền nêu trên là chiếc xe ô tô nhãn hiệu VEAM VT750MB, BKS 20C-171.61 đăng ký tên Hoàng Văn D.

Xét hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1907031502718 ngày 12/7/2019 được ký kết giữa Ngân hàng V và ông D, bà V thấy: Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại Điều 398; Điều 399; Điều 400; Điều 401, Điều 402 của Bộ luật dân sự năm 2015 vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Do đó hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng.

Khoản 1 Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm như sau:

"1. Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ".

Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp như sau:

"1. Bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm có quyền thỏa thuận một trong các phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau đây:

a) Bán đấu giá tài sản;

b) Bên nhận bảo đảm tự bán tài sản;

c) Bên nhận bảo đảm nhận chính tài sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm;

d) Phương thức khác.

2. Trường hợp không có thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều này thì tài sản được bán đấu giá, trừ trường hợp luật có quy định khác".

Căn cứ quy định như trên, việc không xác định được xe ô tô là tài sản thế chấp ở đâu tại thời điểm tranh chấp không làm vô hiệu hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

Trong trường hợp ông D, bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định tại Điều 317,318, 320, 322, 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bị đơn phải chịu án phí DSST sơ thẩm có giá ngạch.

[4]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện nhận nộp toàn bộ chi phí thẩm định là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* (Đã chi phí xong)

[5]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 351; Điều 398; Điều 399; Điều 400; Điều 401, Điều 402, 463, 466, Bộ luật dân sự; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2003 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm được bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 91, 94, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

2. Buộc ông Hoàng Văn D và bà Đàm Thị V phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 22/12/2023 số tiền **1.055.963.492** đồng (gồm: nợ gốc 545.273.956 đồng, tiền nợ lãi: 432.745.436 đồng; phí phạt: 77.944.100 đồng)

3. Trường hợp ông Hoàng Văn D và bà Đàm Thị V không trả được nợ hoặc trả không đủ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu VEAM số khung B172GMM02523, số máy D4DBGJ621262, BKS 20C-171.61 mang tên Hoàng văn D.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm còn thừa sau khi đã thanh toán đầy đủ khoản nợ của Ngân hàng V thì Ngân hàng phải trả lại cho ông D và bà V.

5. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 22/12/2023 cho đến khi thi hành xong, ông D, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN1907031502718 ngày 12/7/2019. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1: Buộc ông Hoàng Văn D và bà Đàm Thị V phải liên đới chịu **43.678.904** đồng *(Bốn mươi ba triệu, sáu trăm bẩy mươi tám nghìn, chín trăm không bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6.2: Hoàn trả cho Ngân hàng V **17.937.000** đồng *(Mười bẩy triệu, chín trăm ba mươi bẩy nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003624 ngày 23/2/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Lý